

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Nhật Quang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh
Bà Vũ Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung, là Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân THỊ XÃ Q, TỈNH Q.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, TỈNH Q tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, TỈNH Q,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày
13 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm
2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9
năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu 6, phường
N, thị xã Q, tỉnh Q; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995. Đăng ký hộ khẩu thường trú:
Khu 6, phường N, thị xã Q, tỉnh Q; chỗ ở hiện tại: Thôn V, xã L, thị xã Q, TỈNH
Q; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn anh Vũ Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện kết hôn vào
ngày 24/9/2015, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q,
TỈNH Q. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu
thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung,
không quan tâm tới nhau. Gia đình hai bên đã khuyên giải cho cả hai vợ chồng

nhưng không có kết quả. Anh và chị H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016. Khi ly hôn anh đề nghị giao con chung Vũ Văn K cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Vũ Văn B tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn vào ngày 24/9/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q, TỈNH Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Khu 6, phường N, thị xã Q, TỈNH Q. Nhưng sau một thời gian chung sống, anh B không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không sống được với nhau, và chị phải về nhà ngoại ở Thôn V, xã L, thị xã Q, TỈNH Q sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh B yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Văn K. Chị đồng ý việc anh B cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình xác minh tại Khu 6, phường N, thị xã Q, đại diện khu phố cho biết: Anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q, TỈNH Q. Quá trình chung sống cả hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Khi ly thân chị H chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Nay anh B yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016, cháu đang sống cùng chị H.

Tại phiên tòa anh B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn anh trình bày vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày chị vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với anh B, chị nuôi con chung và đồng ý mức cấp dưỡng anh B đưa ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của anh Vũ Văn B, xử cho anh B được ly hôn với chị Phạm Thị H. Giao con chung Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Văn Bằng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 6, phường N, thị xã Q, tỉnh Q; chỗ ở hiện tại: Thôn V, xã L, thị xã Q, TỈNH Q, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Q. Nguyên đơn anh Vũ Văn B, bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q, TỈNH Q ngày 24/9/2015. Nên hôn nhân giữa anh B, chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Anh B và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh B xác định tình cảm không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H. Chị H cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn với anh B. Như vậy, hôn nhân giữa anh B với chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Văn B, giải quyết cho anh Vũ Văn B được ly hôn với chị Phạm Thị H là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016. Cháu Khánh hiện do chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh B đồng ý giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Văn B có quan điểm anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.500.000đ/tháng cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị H đồng ý mức anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.500.000đ/tháng, kể từ 10/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn B phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Vũ Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn B được ly hôn với chị Phạm Thị H.
2. Về con chung: Giao con chung Vũ Văn K, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 10/2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Vũ Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh B đã nộp tạm

ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001838 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, TỈNH Q. Anh Vũ Văn B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn anh Vũ Văn B và bị đơn chị Phạm Thị H đều vắng mặt. Anh B, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- VKSND tỉnh Q.Ninh;
- TAND TỈNH Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- UBND phường N,
thị xã Q;
- Lưu: HS vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Nhật Quang

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Nhật Quang

